



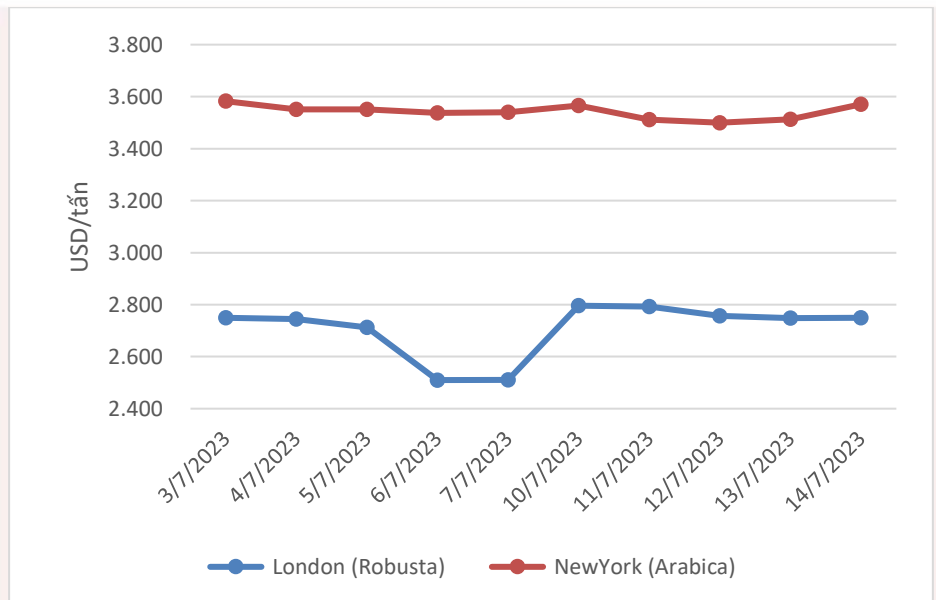
BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

TUẦN 28
(17.07.2023)

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn T09/2023 tăng 4,66% so với tuần trước đạt mức bình quân 2.769 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2023 giảm 0,56% so với tuần trước đạt mức bình quân 3.532 USD/tấn.
- ❖ Theo ICO, sản lượng xuất khẩu cà phê tháng 5/2023 giảm giảm ở hầu hết các khu vực, trừ châu Á và châu Đại dương.
- ❖ Theo USDA, sản lượng cà phê thế giới trong niên vụ 2023-2024 được dự báo tăng 4,3 triệu bao (60 kg/bao), tương ứng 2,5% so với niên vụ trước lên 174,3 triệu bao.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 09/2023 có xu tăng trở lại sau 1 tuần giảm giá. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.769 USD/tấn, tăng 4,66% so với tuần trước, tăng 42,1% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.796 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.748 USD/tấn. [1]

Thị trường New York kỳ hạn tháng 9/2023 tiếp tục giảm so với tuần trước. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 3.532 USD/tấn, giảm 0,56% so với mức giá tuần trước, và giảm 21,3% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.570 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 3.500 USD/tấn.[1]

Theo báo cáo của Tổ chức cà phê Quốc tế (ICO), tháng 5/2023, xuất khẩu cà phê giảm ở hầu hết các khu vực, trừ châu Á và châu Đại dương. Tại khu vực Nam Mỹ, xuất khẩu cà phê giảm 11,5% xuống còn 3,5 triệu bao chủ yếu do tổng xuất khẩu của ba quốc gia sản xuất chính của khu vực là Brazil, Colombia và Peru giảm 12,3%. Trong đó, Brazil và Colombia có lượng xuất khẩu giảm lần lượt là 12,2% và 10,6%, xuống còn 2,5 triệu và hơn 0,8 triệu bao. Nguyên nhân chính cho sự sụt giảm này do nguồn cung trên thế giới giảm và sản lượng cà phê của hai quốc gia này đều giảm, mưa lớn tại Colombia dẫn đến sản lượng cà phê của quốc gia này giảm 21% trong tháng 5. Trong khi đó, sản lượng cà phê của Brazil giảm, năng suất cà phê của nước này dưới trung bình trong 2 năm gần đây do sương giá và hạn hán. [2]

Đối với khu vực Châu Phi, tháng 5/2023, sản lượng xuất khẩu cà phê giảm 7,2%. Bờ Biển Ngà và Ethiopia là những nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm của khu vực, với tổng lượng xuất khẩu của hai nước giảm 19,4% xuống 0,45 triệu bao trong tháng 5/2023. Đối với khu vực Trung Mỹ và Mexico, xuất khẩu cà phê trong tháng 5 tăng 12,4% lên hơn 2,1 triệu bao. Đây đã là tháng tăng trưởng thứ ba trong tám tháng đầu tiên của niên vụ cà phê hiện tại. Mặc dù vậy, tổng xuất khẩu cà phê của khu vực vẫn giảm nhẹ 2,1% trong 8 tháng đầu niên vụ 2022-2023, đạt 10 triệu bao. Riêng xuất khẩu cà phê từ khu vực châu Á và châu Đại Dương tăng 13,1% lên 3,9 triệu bao trong tháng 5 và tăng 3,2% lên 31,7 triệu bao trong 8 tháng đầu niên vụ 2022-2023. Chủ yếu là do xuất khẩu cà phê của Indonesia, nước sản xuất chính trong khu vực tăng mạnh 2,7 lần lên 0,6 triệu bao trong tháng 5/2023. [2]

Theo Money Control, xuất khẩu cà phê của Ấn Độ trong 6 tháng đầu năm 2023 đạt 218,2 nghìn tấn, giảm 2% so với cùng kỳ năm trước. Các nhà xuất khẩu của quốc gia này cho rằng sản lượng xuất khẩu cà phê của Ấn Độ sẽ tiếp tục giảm trong những tháng tới. Ấn Độ xuất khẩu khoảng 70% sản lượng cà phê của mình và vào năm 2022, các lô hàng đã đạt gần mức kỷ lục 4 vạn tấn nhờ sản lượng và nhu cầu tốt. Sản lượng cà phê của Ấn Độ bao gồm 70% cà phê Robusta và 30% cà phê Arabica. Người trồng trọt và thương nhân cho rằng sản lượng cà phê Robusta thiếu hơn 30% so

với ước tính 259.000 tấn của Hội đồng Cà phê cho niên vụ 2022 - 2023. [3]

Theo báo cáo mới đây của USDA, sản lượng cà phê thế giới trong niên vụ 2023-2024 được dự báo tăng 4,3 triệu bao (60 kg/bao), tương ứng 2,5% so với niên vụ trước lên 174,3 triệu bao. Trong đó, sản lượng cao hơn ở Brazil và Việt Nam dự kiến sẽ bù đắp cho sự sụt giảm tại Indonesia.[4]

Tại Brazil, vụ thu hoạch 2023-2024, dự báo tăng 3,8 triệu bao lên 66,4 triệu bao. Trong đó, sản lượng cà phê Arabica tăng 4,9 triệu bao lên 44,7 triệu bao. Tháng 1/2023, khu vực sản xuất cà phê hàng đầu của Brazil là bang Minas Gerais đã trải qua lượng mưa cao hơn mức trung bình trong giai đoạn phát triển trái cà phê khiến cho người nông dân gặp khó khăn trong việc kiểm soát dịch bệnh và sâu hại. Tuy nhiên, lượng mưa tăng dẫn đến kích thước hạt cà phê lớn hơn so với vụ trước, góp phần làm tăng sản lượng. Mặc dù sản lượng dự báo tăng trở lại, nhưng con số này vẫn thấp hơn so với mức đỉnh gần 50 triệu bao của các niên vụ được mùa trước đó.[4]

Tại khu vực Trung Mỹ và Mexico, báo sản lượng cà phê của khu vực Trung Mỹ và Mexico gần như không thay đổi so với niên vụ trước ở mức 17,9 triệu bao, trong đó cà phê Arabica chiếm 95% tổng sản lượng. Mức tăng trưởng khiêm tốn ở Honduras, El Salvador và Costa Rica dự kiến sẽ bù đắp cho sự sụt giảm nhẹ ở Guatemala. [4]

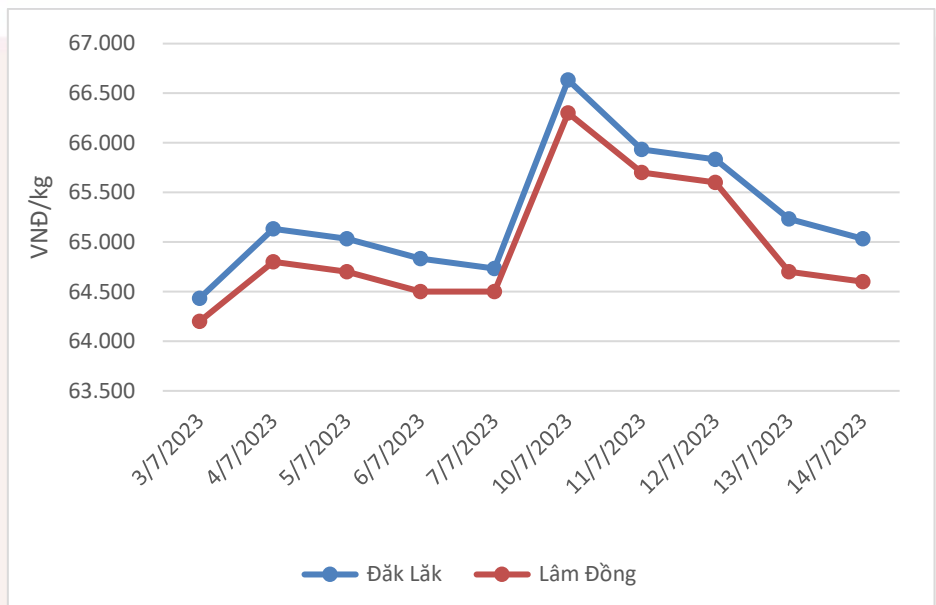
Tại Colombia, sản lượng cà phê Arabica của Colombia được dự báo tăng 300.000 bao lên 11,6 triệu bao trong niên vụ 2023-2024 nhờ năng suất cao hơn. Mặc dù vậy, sản lượng của Colombia vẫn thấp hơn gần 15% so với mức trung bình hàng năm khi người trồng cà phê hạn chế sử dụng phân bón do giá tăng cao. [4]

Tại Indonesia, sản lượng cà phê của Indonesia trong vụ thu hoạch 2023 – 2024 dự báo giảm 2,2 triệu bao xuống còn 9,7 triệu bao. Trong đó, sản lượng cà phê Robusta dự báo giảm 2,1 triệu bao xuống còn 8,4 triệu bao. Sản lượng cà phê Arabica cũng được dự báo giảm nhẹ xuống 1,3 triệu bao. [4]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng trở lại trong tuần này. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 65.733 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 65.380 VNĐ/kg.
- ❖ Theo Tổng Cục hải quan, 6 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 1 triệu tấn, tương đương với 2,4 tỷ USD
- ❖ 6 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê Việt Nam sang thị trường EU đạt 385.895 tấn, trị giá 872,9 triệu USD.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tăng sau 2 tuần giảm giá. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 65.733 VNĐ/kg, tăng 1,39% so với tuần trước, và tăng 57,21% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta tăng 1,3% so với tuần trước, lên mức bình quân 65.380 VNĐ/kg, và tăng 58,08% so với cùng kỳ năm 2022. [5]

Theo Tổng Cục hải quan, 6 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 1 triệu tấn với kim ngạch thu về gần 2,4 tỷ USD, giảm 3,1% về lượng nhưng tăng 2,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Đây cũng là kim ngạch xuất khẩu cao nhất ghi nhận được của ngành cà phê trong 6 tháng đầu năm kể từ trước đến nay. Lũy kế 9 tháng đầu tiên của niên vụ hiện tại 2022-2023 (từ tháng 10/2022 đến tháng 6/2023), xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt tổng cộng 1,44 triệu tấn (khoảng hơn 24 triệu bao), với kim ngạch 3,38 tỷ USD, tăng 2% về lượng và tăng 6,6% về kim ngạch so với cùng kỳ niên vụ trước. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam tăng trưởng khá tích cực trong thời gian qua do người tiêu dùng có xu hướng chuyển sang tiêu thụ cà phê Robusta có giá rẻ hơn so với cà phê Arabia trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy giảm, lạm phát và lãi suất duy trì ở mức cao tại hầu hết nền kinh tế lớn. Bên cạnh đó, nguồn cung cà phê toàn cầu được Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) dự báo thâm hụt 7,3 triệu bao trong niên vụ 2022-2023. ICO cho biết, sản lượng cà phê Robusta dự kiến giảm 2,1% trong niên vụ hiện tại xuống còn 72,7 triệu bao, trong khi Arabica tăng 4,6% lên 98,6 triệu bao. Chính điều này đã đẩy giá cà phê nội địa và xuất khẩu của Việt Nam liên tiếp xô đổ các kỷ lục trong những tháng gần đây. [6]

Trong 6 tháng đầu năm 2023, giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt cao nhất trong hơn 10 năm trở lại đây với bình quân 2.682 USD/tấn, tăng 4,4% so với tháng trước và tăng tới 17% so với cùng kỳ năm ngoái. Mức giá này cũng vượt xa mức đỉnh 2.591 USD/tấn đạt được vào tháng 10 năm ngoái. Tính chung trong 6 tháng đầu năm, giá cà phê xuất khẩu đạt bình quân 2.374 USD/tấn, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2022. [6]

Trong 6 tháng năm 2023, Việt Nam đã xuất khẩu cà phê sang 38 thị trường trên thế giới. Trong đó, lượng cà phê xuất khẩu sang EU, Anh, Philippines,... giảm so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng bù lại các thị trường như Mỹ, Nga, Algeria, Indonesia, Mexico, Hàn Quốc,... lại tăng mạnh. EU là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 6 tháng năm 2023, khối lượng xuất khẩu đạt 385.895 tấn, trị giá 872,9 triệu USD, giảm 10,6% về lượng và giảm 6,6% về trị giá. Thị trường này chiếm 38,3% tổng khối lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Hoa Kỳ là thị trường lớn thứ 2 của Việt Nam trong giai đoạn này, với sản lượng đạt 77,7 nghìn tấn, tăng 26,3% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 7,7% tổng khối lượng cà phê xuất khẩu. Bên cạnh đó, sản lượng cà phê xuất khẩu sang một số thị trường khác cũng tăng trưởng cao từ hai đến ba con số như: Nga tăng 19,7%; Algeria tăng 100,8%; Indonesia tăng 194,2%; Mexico tăng 77,3%; Hàn Quốc tăng 16,6%. [6]

Ngày 16/5/2023, Nghị viện Châu Âu thông qua Quy định Chống phá rừng Châu Âu (EUDR), dự kiến có hiệu lực từ tháng 12/2024. Trong các ngành hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường EU, cà phê là mặt hàng nông sản sẽ chịu ảnh hưởng lớn khi quy định này được áp dụng. Tuy nhiên, theo đánh giá của nhiều chuyên gia và cơ quan quản lý của các địa phương có diện tích cà phê lớn ở Việt Nam như Đắk Lắk; Đắk Nông, quy định EUDR sẽ tạo ra nhiều cơ hội hơn đối với sản xuất cà phê của Việt Nam. EUDR yêu cầu các nhà nhập khẩu và đối tác chuỗi cung ứng của họ chứng minh sản phẩm của họ không liên quan đến phá rừng hay suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020. Cụ thể, EUDR đòi hỏi 100% sản

phẩm cà phê vào châu Âu phải có tọa độ/polygon GPS của từng vườn sản xuất. Dựa trên các công cụ giám sát, nếu phát hiện có tình trạng mất/suy thoái rừng, thì lô hàng đó sẽ phải đối mặt với việc thu hồi, hoàn trả. Theo ông Nguyễn Hoàng Dương - giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk, EUDR không tác động nhiều đến cà phê của Đắk Lắk cũng như Việt Nam, bởi EU lấy mốc thời gian từ năm 2020 trở lại đây, trong khi cà phê của Đắk Lắk đã phát triển ổn định từ mấy chục năm nay. Đồng thời, EUDR cũng phù hợp với các chính sách bảo vệ rừng và phát triển cà phê của Việt Nam. Ngoài ra, tỉnh Đắk Lắk cũng đang chủ động xây dựng các giải pháp thích ứng với quy định này như đánh giá lại toàn bộ hiện trạng sản xuất để chuẩn bị các chứng nhận cho những vùng đủ điều kiện đáp ứng các yêu cầu mới của EU. Hiện nay, Đắk Lắk có 12 đơn vị được chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Cà phê Buôn Ma Thuột” đối với cà phê nhân (tổng diện tích 20.326ha, sản lượng đăng ký 39.890 tấn/năm) và 7 đơn vị được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Cà phê Buôn Ma Thuột” đối với cà phê rang xay (193 tấn cà phê hạt rang, 125 tấn cà phê bột, 2.000 tấn cà phê hòa tan nguyên chất). Đây cũng là chỉ dẫn địa lý cà phê đầu tiên được bảo hộ tại Việt Nam và bảo hộ quốc tế tại 32 quốc gia, vùng lãnh thổ. [7]

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. <https://www.icocoffee.org/documents/cy2022-23/cmr-0623-e.pdf>
3. <https://www.moneycontrol.com/news/business/coffee-exports-hit-slide-likely-to-continue-10931591.html>
4. <https://www.comunicaffe.com/usda-sees-world-coffee-production-for-2023-24-up-2-5-at-174-3m-bags-exports-to-reach-122-2m/>
5. Cộng tác viên cà phê khu vực Tây Nguyên
6. <https://vietnambiz.vn/xuat-khau-ca-phe-can-moc-24-ty-usd-gia-ban-lap-dinh-moi-2023714123229433.htm>
7. <https://nongnghiep.vn/goc-nhin-tu-thu-phu-dak-lak-co-hoi-nhieu-hon-thach-thuc-d355862.html>

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

| Tỉnh/ huyện | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Trung bình | Tăng/ giảm |
|-----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|------------|
| LÂM ĐỒNG | 66.300 | 65.700 | 65.600 | 64.700 | 64.600 | 65.380 | 840 |
| Di Linh | 66.300 | 65.700 | 65.600 | 64.700 | 64.600 | 65.380 | 840 |
| Lâm Hà | 66.300 | 65.700 | 65.600 | 64.700 | 64.600 | 65.380 | 840 |
| Bảo Lộc | 66.300 | 65.700 | 65.600 | 64.700 | 64.600 | 65.380 | 840 |
| ĐẮK LẮK | 66.633 | 65.933 | 65.833 | 65.233 | 65.033 | 65.733 | 900 |
| Cư M'gar | 66.700 | 66.000 | 65.900 | 65.300 | 65.100 | 65.800 | 900 |
| Ea H'leo | 66.600 | 65.900 | 65.800 | 65.200 | 65.000 | 65.700 | 900 |
| Buôn Hồ | 66.600 | 65.900 | 65.800 | 65.200 | 65.000 | 65.700 | 900 |
| ĐẮK NÔNG | 66.750 | 66.050 | 65.950 | 65.350 | 65.250 | 65.870 | 820 |
| Gia Nghĩa | 66.800 | 66.100 | 66.000 | 65.400 | 65.300 | 65.920 | 820 |
| Đắk R'lấp | 66.700 | 66.000 | 65.900 | 65.300 | 65.200 | 65.820 | 820 |
| GIA LAI | 66.333 | 65.733 | 65.633 | 65.033 | 64.833 | 65.513 | 860 |
| Chư Prông | 66.400 | 65.800 | 65.700 | 65.100 | 64.900 | 65.580 | 860 |
| Pleiku | 66.300 | 65.700 | 65.600 | 65.000 | 64.800 | 65.480 | 860 |
| La Grai | 66.300 | 65.700 | 65.600 | 65.000 | 64.800 | 65.480 | 860 |
| KON TUM | 66.400 | 65.700 | 65.600 | 65.100 | 64.900 | 65.540 | 820 |
| Đắk Hà | 66.400 | 65.700 | 65.600 | 65.100 | 64.900 | 65.540 | 820 |

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO iNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn